

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT BÃI BÒI VÀ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC VEN BIỂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

NGUYỄN THỊ HUYỀN THU

Tóm tắt: Đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển có một vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển và các ngành kinh tế biển. Hiện nay, sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai và ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người dân địa phương, đặc biệt là hoạt động nuôi trồng thủy sản. Huyện Tiền Hải (tỉnh Thái Bình) với lợi thế có 23 km bờ biển, với trên 5.000 km² bãi bồi ven biển có nhiều thế mạnh trong phát triển kinh tế biển, trong những năm qua huyện đã có nhiều chính sách khai thác vùng đất này cho phát triển kinh tế của huyện. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển có xu hướng bị suy thoái và sử dụng không bền vững. Bài viết tập trung phân tích hiện trạng sử dụng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển, các chính sách cũng như những tác động đến việc sử dụng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải, từ đó nhìn nhận ưu nhược điểm trong sử dụng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển để đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển trên địa bàn huyện Tiền Hải.

Từ khóa: bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển, huyện Tiền Hải, Thái Bình

IMPROVING LAND USE EFFICIENCY OF COASTAL MUDFLATS AND COASTAL LAND WITH WATER SURFACE IN TIEN HAI DISTRICT, THAI BINH PROVINCE

Abstract: Coastal mudflats and coastal land with water surface play an extremely important role for local socioeconomic development and marine economy. Nowadays, the increase of extreme weather events, natural disasters and environmental pollution affects local people's land use, especially for aquaculture activities. Tien Hai district (Thai Binh province) with advantages of 23 km of coastline and over 5,000 km square of coastal mudflats acquires strengths for the development of marine economy. In recent years, local government has implemented many policies to exploit these types of land for economic development. However along with socioeconomic development, coastal mudflats and coastal land with water surface tend to face soil degradation and unsustainable use. This article focuses on analyzing the current status of land use of coastal mudflats and coastal land with water surface, related policies as well as impacts on the use of coastal mudflats and coastal land with water surface in Tien Hai district, thereby recognizes the pros and cons in using coastal mudflats and coastal land with water surface to propose solutions aiming at improving the land use efficiency of coastal mudflats and coastal land with water surface in Tien Hai district.

Keywords: Coastal mudflats, coastal land with water surface, Tien Hai district, Thai Binh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển là những diện tích đất ở những vùng ven biển có giá trị cao. Tài nguyên bãi bồi ven biển đóng vai trò vô cùng quan trọng và đa diện trong việc duy trì, bảo vệ môi trường biển và hỗ trợ sự phát triển bền vững của các khu vực ven biển. Vùng bãi bồi và đất có mặt nước không chỉ đóng góp vào việc duy trì hệ sinh thái biển mà còn mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội và văn hóa. Chúng tạo ra môi trường sống đa dạng cho nhiều loài sinh vật biển, từ cá, tôm, cua, ốc đến các loài thực vật biển. Vùng bãi bồi và đất có mặt nước cung cấp một nguồn thực phẩm quan trọng và là môi trường sinh sản cho các loài này. Hiện nay ở những nơi có diện tích đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển được người dân sử dụng nhiều trong một số ngành quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, ngoài ra còn có thể khai thác sử dụng vào mục đích khác như sản xuất muối, phát triển du lịch...

Việc phát triển du lịch ven biển dựa trên tài nguyên bãi bồi sẽ tạo ra cơ hội việc làm và thu nhập cho cộng đồng địa phương. Việc bảo vệ và sử dụng tài nguyên này một cách bền vững là cần thiết để đảm bảo rằng chúng sẽ tiếp tục mang lại lợi ích lớn cho tất cả mọi người trong tương lai. Tuy nhiên, để đảm bảo sự bền vững của tài nguyên bãi bồi và đất có mặt nước ven biển, cần phải quản lý và bảo vệ chặt chẽ. Quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên bãi bồi và đất có mặt nước ven biển cần tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Quản lý đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển phải bao gồm việc xây dựng kế hoạch quản lý, giám sát môi trường, giảm thiểu tác động xấu và thúc đẩy sự phục hồi tự nhiên. Đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu như hiện nay bãi bồi ven

biển là khu vực dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu. Các hiện tượng thiên tai xảy ra ở vùng ven biển ngày càng gia tăng về cường độ và tần suất: bão lớn, lũ lụt gây xói lở cục bộ, làm sạt lở đê kè và các công trình dân sinh.

Tiền Hải thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng, là huyện có dân số đông, có truyền thống làm nghề nông nghiệp lúa nước và nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, nên đất đai vùng ven biển có vai trò hết sức quan trọng. Với ưu thế là huyện nằm ở cuối hệ thống sông Hồng, hằng năm được một lượng phù sa đổ về, bồi tụ thêm các bãi bồi ven biển tạo ra một tương lai mở rộng quỹ đất đưa vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (NTTS), du lịch sinh thái biển. Đặc biệt là hoạt động khai thác sử dụng vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước biển vào nuôi trồng thủy hải sản có giá trị kinh tế cao.

Hiện nay, huyện Tiền Hải có diện tích vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển là 11.836,4 ha [6]. Diện tích đang được khai thác sử dụng NTTS là 3.573,9 ha, chiếm 31,07% diện tích sản xuất nông nghiệp [3]. Năm 2022, giá trị sản xuất khai thác nuôi trồng thủy hải sản đạt 2,577,8 tỷ đồng chiếm 48,8% giá trị sản xuất nông nghiệp [7].

Tuy nhiên, quá trình khai thác vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hiệu quả tiềm năng vốn có của vùng đất màu mỡ này, việc sử dụng đất chưa áp dụng các biện pháp công nghệ cao, nhiều diện tích còn lãng phí. Do vậy, việc đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển trong bối cảnh hiện tại là cần thiết.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài viết sử dụng các nguồn dữ liệu được thu thập từ các cơ quan quản lý; các tài liệu là các văn bản chính sách của Trung ương, của tỉnh Thái Bình, huyện Tiền Hải có liên quan việc sử dụng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển.

Nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập từ khảo sát, điều tra nghiên cứu thực địa thời gian tháng 4/2023 tại huyện Tiền Hải.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp thu thập, xử lý thông tin thông qua nghiên cứu tài liệu thứ cấp để khái quát các nội dung liên quan đến vấn đề nghiên cứu trong các công trình khoa học đã công bố, xác định những nội dung kế thừa cũng như khái quát các nội dung nghiên cứu cần giải quyết.

Sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp để phân tích các dữ liệu, số liệu thu thập được từ thực tế nhằm làm rõ hiện trạng sử dụng đất, công tác quy hoạch sử dụng đất vùng bãi bồi ven biển huyện Tiền Hải, cũng như việc thực hiện chủ trương, chính sách, quy định về quản lý và sử dụng đất có mặt nước, đất bãi bồi ven biển.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng sử dụng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải

3.1.1. Khái quát hiện trạng sử dụng

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tiền Hải, tổng diện tích đất tự nhiên là 23.130,58 ha; đất nông, lâm, ngư nghiệp là 15.584,37 ha, trong đó đất nuôi trồng thủy sản là 3.433,22 ha. Đất bồi tụ ngoài đê biển của huyện là trên 8.424,6 ha, trong đó đất cốt 0 trở lên là 3.527,4 ha. Đại bộ phận đất từ cốt 0 trở lên hiện nay đã được đưa vào nuôi trồng thủy sản và trồng rừng phòng hộ phục vụ cho phát triển kinh tế và đời sống dân sinh.

Như vậy, Tiền Hải có khoảng 11.836,4 ha đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển có thể đưa

vào sử dụng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, khai thác nuôi trồng thủy sản (NTTS).

Vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải được phân bố ở 8 xã ven biển, chiều dài bờ biển là 23 km. Hằng năm, một lượng phù sa phi nhiêu được bồi tụ lên vùng đất bãi bồi do nước từ thượng nguồn đổ về cửa các con sông lớn là cửa Ba Lạt, cửa Lân, cửa sông Trà Lý.

Trên cơ sở phê duyệt quy hoạch các vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển của UBND tỉnh Thái Bình, Tiền Hải đã xây dựng khai thác sử dụng các vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển, cụ thể [6]:

- Vùng 1: từ cửa sông Trà Lý đến cửa sông Lân (là vùng bãi triều giáp với các xã Đông Long, Đông Hoàng, Đông Minh), phát triển hoạt động nuôi ngao.

- Vùng 2: từ cửa sông Lân đến cửa sông Ba Lạt (giáp các xã Nam Thịnh, Nam Hưng), quy hoạch phát triển nuôi ngao. Riêng vùng bãi triều Cồn Vành, xã Nam Phú định hướng phát triển du lịch (không quy hoạch NTTS).

- Vùng 3: chuyển đổi từ trồng lúa, trồng cói, làm muối không hiệu quả ở trong đê (các xã Đông Hải, Đông Long, Đông Hoàng, Đông Minh, Nam Hưng, Nam Cường, Nam Thịnh, Nam Phú), quy hoạch nuôi các loại tôm, cua, cá.

Hình thức sản xuất khai thác sử dụng vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải tập trung chủ yếu vào NTTS. Một số loại hình sử dụng đất ở vùng bãi bồi ven biển:

1) Nuôi ngao

Năm 2023, tổng diện tích NTTS của huyện là 3.433,22 ha (tăng 123,25 ha so với năm 2022). Trong đó, nuôi ngao 2.024 ha (chủ yếu ở các xã Nam Thịnh, Nam Cường, Nam Phú...) [10]. Tính đến tháng 9/2023, sản lượng NTTS đạt khoảng 75.000 tấn, trong đó ngao hơn 64.000 tấn [12].

Ngao được nuôi chủ yếu theo mô hình nông hộ nên quy mô nhỏ, diện tích trung bình từ 2 - 3 ha/hộ. Cách thức nuôi ngao chủ yếu là vây nuôi.

Nuôi ngao giống đang là xu hướng phát triển mạnh thời gian gần đây. Diện tích nuôi ngao giống của huyện đạt khoảng 300 ha [11]. Nuôi ngao giống mang lại hiệu quả kinh tế cao, thời gian nuôi ngắn, chi phí thấp. Với mức đầu tư ban đầu hơn 500 triệu đồng/ha, nếu tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật và thời tiết thuận lợi, mỗi ha nuôi ngao giống cho lãi 1 tỷ đồng/năm [11].

Theo số liệu từ Phòng NN&PTNT huyện Tiền Hải, số vây nuôi nằm ở vùng cao triều của huyện chiếm tỷ lệ khoảng hơn 15%, còn lại là số vây nuôi nằm ở vùng trung triều, hạ triều và vùng triều giới, luôn ngập nước. So với các địa phương khác, Tiền Hải có số vây nuôi thuộc vùng cao triều nhiều với thời gian phơi bãi có thể kéo dài 14 - 15 tiếng một ngày). Điều này gây khó khăn cho các vây nuôi ở vùng cao triều đặc biệt vào mùa hè.

(2) Nuôi tôm

Hoạt động nuôi tôm cũng đang phát triển mạnh mẽ. Một số hộ dân đã chủ động đầu tư vào việc cải tạo ao nuôi, nâng cấp trang thiết bị. Đồng thời tham gia tập huấn kỹ thuật nuôi tôm theo công nghệ cao. Áp dụng công nghệ cao có thể nuôi thêm vụ tôm trái mùa (như vụ Đông hoặc vụ 3), đồng thời năng suất tăng cao hơn đạt 30 - 40 tấn/ha, mang lại hiệu quả kinh tế gấp 3 - 5 lần so với nuôi truyền thống [12]. Hệ thống nuôi tôm công nghệ cao là sự kết hợp hợp lý giữa ao nuôi chính và các ao nuôi phụ trợ (như ao lắng, ao xử lý, ao chuẩn bị, hệ thống xử lý nước thải). Đặc điểm này giúp giảm thiểu rủi ro về dịch bệnh, bảo vệ nguồn nước và môi trường xung quanh.

Năm 2023, diện tích nuôi tôm vùng bãi bồi ven biển huyện Tiền Hải gần 300 ha. Trong đó,

chỉ có 95 ha nuôi tôm theo công nghệ cao (chủ yếu tại các xã Đông Minh, Nam Thịnh, Nam Cường, Nam Thắng). Còn lại đa số vẫn theo phương thức truyền thống. Phương thức này phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, chỉ có thể nuôi 2 vụ tôm mỗi năm, trong khi thời gian còn lại, ao đầm bị bỏ trống, gây lãng phí đất đai.

Bên cạnh đó, chưa có sự thống nhất giữa chính quyền, cơ quan chuyên môn, các hợp tác xã và các chủ thể tham gia vào khai thác sử dụng vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước một cách khoa học. Do đó, hiện tượng thủy sản nuôi trồng bị chết do nhiễm độc nguồn nước, nhiễm bệnh ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả canh tác.

3) Trồng rừng ngập mặn

Rừng ngập mặn (RNM) tại huyện phân bố chủ yếu ở 5 xã ven biển (Nam Thịnh, Nam Hưng, Nam Phú, Đông Long và Đông Hoàng). Trong đó, 3 xã Nam Thịnh, Nam Hưng, Nam Phú thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải.

Từ năm 2015 trở về trước có sự suy giảm tương đối mạnh do tác động của sinh vật hà gây hại và chịu ảnh hưởng của các cơn bão (2008, 2012). Từ năm 2015 trở lại đây, theo các chương trình trồng rừng và phát triển rừng, các đai RNM bảo vệ khu vực ngoài đê biển đã và đang được trồng mới. Tỷ lệ thành rừng của các chương trình, dự án nhiều năm qua tương đối tốt (dự án trồng rừng của Sở NN&PTNT, chương trình tài trợ của chính phủ Hàn Quốc...).

Theo Công bố hiện trạng rừng tỉnh Thái Bình năm 2020 (Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh Thái Bình), diện tích đất lâm nghiệp của 5 xã là 4.656,3 ha. Trong đó, diện tích rừng trồng đã thành rừng là 1.519,36 ha (Bảng 1). Từ năm 2015 đến năm 2020, diện tích rừng ven biển huyện Tiền Hải tăng lên từ 1.227,51 ha lên 1.519,36 ha.

Bảng 1. Kết quả kiểm kê rừng ven biển Tiên Hải, Thái Bình (năm 2020)

Đơn vị: Ha

Địa phương	Rừng trồng thành rừng	Đất lâm nghiệp	Đất quy hoạch cho phát triển rừng		
			Đất trống	Rừng chưa thành rừng	Cộng
Đông Long	333,67	835,73	462,02	40,04	502,06
Đông Hoàng	146,18	336,56	158,11	32,27	190,38
Nam Thịnh	383,3	897,78	494,67	19,81	514,48
Nam Hưng	350,34	793,67	422,88	20,45	443,33
Nam Phú	305,87	1.792,55	1.484,2	2,45	1.486,68
Tổng	1.519,36	4.656,29	3.021,91	115,02	3.136,93

Nguồn: Sở NN&PTNT tỉnh Thái Bình, 2020 [5]

RNM Tiên Hải chủ yếu là những cây thấp nhỏ, chất lượng rừng suy giảm do hậu quả của việc suy thoái môi trường. Việc quy hoạch trồng lại rừng không được xem xét đầy đủ, chưa hợp lý, bảo vệ và chăm sóc rừng chưa được quan tâm đúng mức, một số nơi trồng cây không đúng kỹ thuật, một số loài chưa phù hợp với địa hình và thổ nhưỡng.

Theo khảo sát thực tế được biết, trước kia ở khu vực này loài mắm biển phát triển và phân bố nhiều. Nhưng đến nay loài cây này trở nên hiếm gặp. Nguyên nhân là do bị hà bám vào rễ làm cây chết. Hơn nữa, người dân địa phương vào khai thác trong RNM thường chặt cả cành cây để tách Hà. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến suy giảm diện tích và chất lượng rừng ngập mặn khu vực huyện Tiên Hải.

Như vậy, mặc dù diện tích RNM đã dần tăng lên từ năm 2015, nhưng các hoạt động kinh tế có thể là mối nguy cơ gây tác động xấu tới RNM trong tương lai. Gây mất cân bằng sinh thái, làm suy giảm nghiêm trọng nguồn lợi hải sản, tăng sự xâm thực của nước biển, làm mất đi sinh kế của người dân địa phương.

3.1.2. Chính sách khai thác, sử dụng vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển

Tiên Hải đã triển khai các chính sách của Trung ương và của tỉnh để thực hiện khai thác sử dụng vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển, cụ thể như: Quyết định số 773-TTg, ngày 21/12/1994, của Chính phủ về chương trình khai thác sử dụng vùng đất hoang hoá, bãi bồi ven sông, ven biển và mặt nước ở các vùng đồng bằng; Nghị định số 01/CP, ngày 04/01/1995 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước; Quyết định số 126/2005/QĐ-TTg, ngày 01/6/2005 của Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy hải sản trên biển và hải đảo. Quyết định số 2357/QĐ-UBND, ngày 28/8/2008 của UBND tỉnh Thái Bình về phê duyệt đề án phát triển giống thủy sản thời kỳ 2007-2010, định hướng đến năm 2015; Quyết định 1519/QĐ-UBND, ngày 05/8/2011 của UBND tỉnh Thái Bình về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển nuôi ngao vùng ven biển tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 2547/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án phát triển sản xuất ngao giống tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025...

UBND huyện Tiền Hải hằng năm đều xây dựng kế hoạch để triển khai các biện pháp và tổ chức thực hiện hoạt động khai thác NTTS trên vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển cho các chủ thể quản lý và sử dụng; tạo các điều kiện về hạ tầng, vốn, công nghệ và đào tạo, chuyển giao tiến bộ công nghệ NTTS đạt sản lượng và giá trị kinh tế cao.

Với các chính sách trên, đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển Tiền Hải đã tập trung vào hoạt động khai thác, NTTS đã có những chuyển biến mạnh mẽ, đặc biệt diện tích NTTS ven biển gia tăng, quy mô và hiệu quả khai thác từng bước được nâng lên.

3.1.3 Một số tác động đến việc sử dụng đất vùng bãi bồi, đất có mặt nước ven biển

(1) Tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan

Việc nằm tiếp giáp với biển và có các con sông lớn khiến Tiền Hải tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu đang diễn biến khó lường, trong đó đáng chú ý là khu vực bãi bồi ven biển thường xuyên bị ảnh hưởng của mưa, bão, áp thấp nhiệt đới, xâm nhập mặn, nước biển dâng...

Trong mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11) diễn biến mưa qua các năm có những biến động bất thường như trong tháng đầu mùa mưa xảy ra những trận mưa lớn trên diện rộng. Các năm qua, áp thấp nhiệt đới, bão gây ra những trận mưa lớn, kết hợp với triều cường gây ngập úng cục bộ, sạt lở bờ sông, bờ biển, hư hỏng giao thông, thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là lúa) và NTTS. Chỉ tính riêng xã Nam Phú, năm 2021 diện tích NTTS bị thiệt hại do mưa bão là 158 ha (chiếm 15,5% tổng diện tích nuôi trồng thủy hải sản của xã), sản lượng thủy sản bị thiệt hại 100 tấn, ước tính tổng thiệt hại khoảng 10 tỷ đồng [2].

Mực nước biển dâng cao khiến cho diện tích đất bãi bồi ven biển bị chìm, xói lở. Theo số liệu của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Việt Nam, mực nước biển tại khu vực Tiền Hải đã tăng khoảng 20cm trong 50 năm qua [1]. Những năm gần đây, hiện tượng nước biển dâng trong mùa mưa bão đã gây thiệt hại không nhỏ cho người dân, làm giảm năng suất cây trồng, ảnh hưởng lớn đến việc bố trí mùa vụ và cơ cấu sử dụng đất của các xã ven biển; gây thất thoát số lượng lớn thủy sản ở các ao nuôi thủy hải sản. Năm 2022, nước biển dâng đã gây ảnh hưởng tới 315 ha diện tích NTTS của người dân xã Nam Phú, số lượng lớn thủy sản ở các ao nuôi của người dân bị thất thoát lên tới hàng chục tấn [2].

(2) Tác động từ các hoạt động khai thác của con người

Lợi thế của nguồn tài nguyên ven biển ở Tiền Hải đang bị suy giảm do quá trình khai thác và sử dụng không bền vững, thiếu các biện pháp cải tạo và bảo vệ.

Việc NTTS không đúng quy hoạch, sử dụng hóa chất độc hại gây ô nhiễm và suy thoái các vùng đất bãi bồi, vùng đất có mặt nước ven biển, ảnh hưởng đến hệ sinh thái ven biển.

Ô nhiễm môi trường nước, đặc biệt trong những năm gần đây đang bị gia tăng do xả thải công nghiệp đổ về từ những cửa sông lớn. Tiền Hải có khu công nghiệp đóng trên địa phận xã Đông Lâm và xã Đông Cơ. Có hiện tượng xả thải ra Cửa Lân ra vùng bãi bồi của ba xã Đông Minh và Nam Thịnh, Nam Phú. Đây là những địa phương có diện tích bãi bồi và đất có mặt nước biển lớn.

Việc phòng trừ dịch bệnh cũng đang gặp nhiều khó khăn, không kịp thời phát hiện và kiểm soát sự lây lan của các dịch bệnh, thiếu thuốc phòng trừ dịch bệnh hiệu quả. Điều này

dẫn đến tình trạng hàng trăm hecta thủy hải sản bị chết hàng năm, đặc biệt là ngao thịt.

Bên cạnh đó, nhiều vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển chưa được UBND tỉnh Thái Bình giao phân cấp quản lý cho chính quyền địa phương. Do vậy, nhiều vùng khai thác sử dụng không theo quy hoạch, thậm chí còn nhiều diện tích đất bị bỏ hoang hóa. Đặc biệt, nhiều diện tích rừng phòng hộ bị thu hẹp. Có nhiều nơi mất hẳn diện tích đất rừng phòng hộ làm cho biến đổi môi trường sinh thái, nhiều loại thủy sinh bị biến mất. Thực trạng này đòi hỏi cần có biện pháp bảo vệ kịp thời.

3.1.4. Đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế

(1) Kết quả đạt được

Ở các xã ven biển, trình độ khai thác đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển đang ngày càng được nâng cao. Tiền Hải đã tập trung vào đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ cao vào NTTS. Nhờ vào sự đổi mới này, hoạt động NTTS của huyện đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá cao.

Các doanh nghiệp, hộ gia đình tham gia vào hoạt động khai thác sử dụng vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển đều có nguồn thu ngày một cao. Đây là nguồn kích thích lớn cho các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động đầu tư khai thác.

Hoạt động khai thác, sản xuất NTTS có sự kết hợp với trồng rừng chắn sóng tạo môi trường sinh thái, giúp các sinh vật biển, các loại phù du phát triển tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho các loại hải sản nuôi. Các dự án khu du lịch sinh thái Đồng Châu, Cồn Vành góp phần vào quảng bá và tiêu thụ sản phẩm khai thác trên vùng đất bãi bồi.

(2) Hạn chế

Huyện Tiền Hải đã có quy hoạch các vùng khai thác, sản xuất và NTTS, song chưa được đồng bộ. Công tác quản lý nhà nước với đất bãi

bồi chưa được phân định chức năng, trách nhiệm quản lý rõ ràng, còn nhiều vùng bỏ hoang chưa được khai thác, như vùng bãi bồi các xã Nam Hưng, Nam Phú với số diện tích đất khá lớn.

Các trang trại, đầm, vùng NTTS có diện tích đất khai thác nhỏ, lẻ, manh mún nên khó có thể phát triển sản xuất theo hướng công nghệ cao.

Hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa, bão, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng... đã gây thiệt hại và rủi ro lớn về cơ sở vật chất, sản xuất nông nghiệp và NTTS của các hộ dân khai thác sử dụng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải.

Các chất xả thải của các nhà máy từ khu công nghiệp, chất thải của các trang trại chăn nuôi ở ven sông lớn đổ ra cửa biển làm ô nhiễm các vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển, làm chết các loại hải sản được nuôi, làm giảm lượng phù du, nguồn thức ăn chính của chúng.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải

a) Hoàn thiện công tác quy hoạch khai thác sử dụng vùng đất bãi bồi

Hiện nay, chưa có quy hoạch riêng cho các vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển. Hằng năm, UBND huyện xây dựng kế hoạch khai thác, nuôi trồng thủy hải sản dựa trên các dự án chuyên sâu, như: dự án khai thác khu du lịch sinh thái Cồn Vành, dự án khai thác tài nguyên đất bãi bồi và đất có mặt nước để nuôi ngao ở huyện Tiền Hải...

Để khai thác sử dụng vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển được hiệu quả, cần phải có quy hoạch cụ thể cho các địa phương có đất bãi bồi và gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội chung của huyện. Lập quy hoạch chi tiết phân định rõ vùng khai thác sử dụng, giao

trách nhiệm quản lý nhà nước cho những người đứng đầu ở các địa phương.

Kết hợp quy hoạch khai thác du lịch sinh thái biển Côn Vành và các khu bảo tồn thiên nhiên, cấm mốc chỉ giới quy hoạch đối với vùng nghiêm cấm các hành vi khai thác và xả thải trái phép.

b) Đẩy mạnh áp dụng khoa học và công nghệ

Xây dựng cơ chế khuyến khích các chủ thể sử dụng vùng đất bãi bồi, đất mặt nước ven biển của vùng tiên phong ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất NTTS, trước hết là các doanh nghiệp tư nhân, các chủ trang trại.

Tổ chức hệ thống khuyến nông, lâm, ngư chú ý từ tổ chức đến nguồn lực và nhân sự, cần đảm bảo cho các cán bộ khuyến nông bám sát cơ sở.

c) Thực hiện tốt công tác bảo vệ và cải tạo đất

- Đối với tài nguyên đất cát ven biển: hoàn toàn cấm việc khai thác trái phép RNM và rừng phòng hộ. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác NTTS tự phát, không tuân thủ quy hoạch. Cần phục hồi lại toàn bộ RNM đã bị tàn phá, đồng thời tiến hành trồng mới các loại cây tạo ra rừng phòng hộ mới, tạo vùng chắn sóng biển.

- Đối với vùng bãi bồi ven biển: cần thực hiện một quy hoạch tổng thống nhất cho các dự án và công trình khai thác sử dụng trên khu vực bãi bồi ven biển. Việc phát triển khu du lịch nghỉ dưỡng và sinh thái tại Côn Vành, Đông Châu, cũng như xây dựng các nhà máy phải đảm bảo một cách tuyệt đối về vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải. Cần tổ chức các hoạt động nghiên cứu và theo dõi sát sao diễn biến của quá trình bồi tụ và sạt lở ven bờ, các quy luật hình thành, phát triển của các bãi bồi ở vùng cửa sông và cửa biển.

- Đối với các hoạt động làm ô nhiễm môi trường: thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và rà soát các cơ sở chăn nuôi trên toàn địa bàn tỉnh và huyện, đặc biệt là các trang trại chăn nuôi

ven các con sông lớn, nơi mà rác và nước thải từ gia súc trực tiếp đổ ra sông, gây ô nhiễm sông và sau đó lan ra các cửa biển. Đảm bảo rác thải và nước thải công nghiệp không được xả trực tiếp ra môi trường, đặc biệt là các cửa sông, vùng đất bãi bồi cũng như đất có mặt nước ven biển.

- Cần quy hoạch và tổ chức việc trồng rừng phòng hộ ven biển, đồng thời nâng cao vai trò của các vườn quốc gia trong vùng. Tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các loài tảo, thủy sinh và phù du. Ngoài ra, việc tập huấn cho người dân về vai trò và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường cũng như bảo vệ diện tích rừng phòng hộ ven biển là rất cần thiết. Điều này sẽ khuyến khích sự xuất hiện của các loài chim quý và thủy sinh, từ đó giúp cân bằng môi trường sinh thái trong khu vực biển và bãi bồi ven biển.

- Các doanh nghiệp và hộ gia đình: tham gia khai thác, sử dụng và NTTS cần tuân thủ các quy trình kỹ thuật vệ sinh cho ao, hồ, và đầm nuôi. Ngoài ra, cần xây dựng các hệ thống tưới và tiêu nước riêng biệt, nhằm tránh sự tái sử dụng nước thải giữa các ao, hồ và đầm nuôi, đồng thời hạn chế sự lây lan của các dịch bệnh trong quá trình NTTS.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Vùng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải là một trong những vùng trọng điểm phát triển kinh tế xã hội. Đó là nguồn tài nguyên quý cho phát triển NTTS đem lại hiệu quả kinh tế cao, thu nhập lớn cho các tổ chức và cá nhân khai thác sử dụng chúng, đặc biệt đối với huyện Tiền Hải và các xã ven biển. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, sử dụng đất bãi bồi và đất có mặt nước ven biển vẫn còn một số hạn chế đặc biệt về công tác quy hoạch sử dụng đất, quy mô và hình thức canh tác.

Để khai thác sử dụng tốt tiềm năng quý giá của vùng đất bãi bồi, đất có mặt nước ven biển huyện Tiền Hải cần thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp, thúc đẩy phát triển, tăng trưởng kinh tế xã hội các xã ven biển. Cần ban hành những chính sách mới phù hợp, đồng thời thực

thi những chính sách đã ban hành, đầu tư vốn, tạo điều kiện thuận lợi khai thác sử dụng hiệu quả các nguồn lực vốn có của địa phương. Bên cạnh đó, cần có định hướng khai thác sử dụng đất bãi bồi và đất có mặt nước biển thực hiện trong lộ trình lâu dài, theo từng giai đoạn cụ thể.

Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở: “Đánh giá tính bền vững trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên bãi bồi ven biển huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình”, theo Hợp đồng số 12/HĐKH-ĐLNV ngày 01 tháng 3 năm 2024, Viện Địa lý nhân văn chủ trì.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016). *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*, Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
2. Cao Thị Thanh Nga (2023). *Đánh giá tính dễ bị tổn thương của hệ sinh thái nông nghiệp huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình trong bối cảnh biến đổi hậu*. Báo cáo tổng hợp Đề tài cơ sở, Viện Địa lý nhân văn, 2023.
3. Cục Thống kê tỉnh Thái Bình (2022). *Niên giám thống kê huyện Tiền Hải 2021*. Nhà xuất bản Thống kê
4. Nguyễn Thị Thúy Mai (2018). *Thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp của người dân ven biển huyện Tiền Hải*. Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia HCM.
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình (2020). *Báo cáo kết quả kiểm kê rừng tỉnh Thái Bình năm 2020*
6. UBND huyện Tiền Hải (2018). *Kế hoạch sử dụng đất bãi bồi ven biển huyện Tiền Hải*
7. UBND huyện Tiền Hải (2022). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023*.
8. UBND huyện Tiền Hải (2023). *Báo cáo tình hình, kết quả sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*.
9. UBND tỉnh Thái Bình (2024). *Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tiền Hải*.
10. http://tienhai.thaibinh.gov.vn/Tin-Tuc/Tin-KinhTe/334_Nam-Thinh-khac-phuc-sau-hau-qua-sau-bao-so-1, [truy cập ngày 01/3/2024]
11. Mạnh Thắng (2023). *Tiền Hải: Phát triển thế mạnh nuôi ngao*. trang <https://baothaibinh.com.vn/tin-tuc/49/170907/tien-hai-phat-trien-the-manh-nuoi-ngao>, truy cập ngày 1/3/2024
12. Mạnh Thắng (2023). *Tiền Hải: Nuôi tôm công nghệ cao giúp nông dân làm giàu*. <https://baothaibinh.com.vn/tin-tuc/49/183472/tien-hai-nuoi-tom-cong-nghe-cao-giup-nong-dan-lam-giau>, truy cập ngày 1/3/2024
13. Nguyễn Thắm (2023). *Tiền Hải: Hiệu quả kinh tế từ nuôi ngao*. trang <https://baothaibinh.com.vn/tin-tuc/49/187068/tien-hai-hieu-qua-kinh-te-tu-nuoi-ngao>, truy cập ngày 1/3/2024

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thị Huyền Thu - Viện Địa lý nhân văn
Email: huyenthuthu@ihgeo@gmail.com; Điện thoại: 0904.626.736
Địa chỉ liên hệ: Tầng 2, số 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 21/3/2024
Biên tập: 6/2024